TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG** Số: 221/2018/QĐST-HNGĐ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** *C, ngày 18 tháng 5 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 307/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê G, sinh năm 1992; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Đường D9, khu phố 4, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn: Anh Đậu T, sinh năm 1993; địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 3, xã H, huyện L, tỉnh Nghệ An; địa chỉ nơi đăng ký tạm trú: Đường D9, khu phố 4, phường P, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê G và anh Đậu T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Lê G và anh Đậu T tự nguyện thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày có Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2017 do Ủy ban

nhân dân xã Đ, huyện P, tỉnh Quảng Trị cấp ngày 18/10/2017 cho chị Lê G và anh Đậu T không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao cháu Đậu P, sinh ngày 02/10/2017 cho chị Lê G tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Đậu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Đậu P mỗi tháng 3.000.000 (ba triệu) đồng kể từ ngày 30/5/2018 cho đến khi cháu Đậu P đủ 18 tuổi.

Anh Đậu T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Lê G cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng anh Đậu T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê G, anh Đậu T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Lê G phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình; anh Đậu T phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng, tổng cộng là 225.000 đồng. Chị Lê G tự nguyện nộp thay cho anh Đậu T 225.000 đồng, tổng cộng số tiền chị Lê G phải nộp là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số AA/2016/0025350 ngày 26/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương. Chị Lê G đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- UBND phường H, thị xã C, tỉnh Bình Dương;

- Lưu: HSVA, VT.

Lê Cẩm Hằng